TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST Ngày 10/7/2023 *V/v "Tranh chấp Ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thế Hanh

Ông Nguyễn Văn Bào

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/06/2023, giữa các đương sự;

-Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn G, xã Ng, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng

-Bị đơn: Anh Ngô Văn Tr, sinh năm 1996 (có mặt, sau tự ý bỏ về)

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/5/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Ngô Văn Tr ngày 28/11/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, thời gian tìm hiểu khoảng 1 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay và ở chung cùng gia đình nhà chồng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế và tình cảm vợ chồng, mỗi lần cãi nhau thì chị bị anh Triển có tát vài lần. Khi mâu thuẫn thì vợ chồng đã tự hòa giải, nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì bản thân anh Triển có thi thoảng gọi điện, nhưng gọi điện để

bảo đưa tiền về để nuôi con, chứ không phải gọi về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Ngô Văn Tr.

- Về con chung: Chị xác định có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thảo My, sinh ngày 21/7/2017, cháu Ngô Thị Linh Đan, sinh ngày 18/11/2019, hiện nay cháu đang ở với anh Triển và ông bà nội. Hiện tại sức khỏe các cháu phát triển tốt. Khi ly hôn thì chị đồng ý để anh Triển tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Triển mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1 tháng /2 cháu (mỗi cháu 1.000.000 đồng) cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Chị làm công nhân thu nhập trung bình 10 triệu đồng/1 tháng.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị Tươi có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

* Bị đơn anh Ngô Văn Tr trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với phần trình bày của chị Tươi về thơi gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân. Khi mâu thuẫn thì vợ chồng đã tự hòa giải, gia đình đã khuyên bảo, nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì anh vẫn quan tâm đến chị Tươi nhưng chị Tươi không thiện chí liên lạc và đã chặn số của anh. Nay chị Tươi có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm.

- Về con chung: Anh đồng ý với phần chị trình bày của chị Tươi về con chung. Nếu như phải ly hôn thì anh xin được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị Tươi cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1 tháng/ 2 cháu cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay anh đang làm công việc tự do, thu nhập trung bình hàng tháng là 10.000.000 đồng/tháng, anh làm công việc hành chính và xác định đủ điều kiện và thời gian để chăm sóc, nuôi dậy con chung.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Triển có mặt, nhưng sau đó tự ý bỏ về.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; khoản 2 - Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn anh Ngô Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Thảo My, sinh ngày 21/7/2017, cháu Ngô Thị Linh Đan, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Ngô Văn Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Ngô Văn Tr hàng tháng là 2.000.000 đồng/1 tháng/2 cháu từ tháng 8 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Tươi và anh Triển không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tươi phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 26 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị T xin ly hôn anh Ngô Văn Tr, có nơi cư trú tại thôn H, xã H, huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Ngô Văn Tr xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân UBND xã H, huyện H, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại gia đình và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy chị Tươi, anh Triển sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bản thân anh Triển thời gian đầu chưa tu trí làm ăn, dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Khi xẩy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Tươi xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn. Bản thân anh Triển xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng lại không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng, thời gian sống ly thân kéo dài. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của chị Tươi và anh Triển không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tươi là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Ngô Văn Tr xác định có 02 con chung là Ngô Thị Thảo My, sinh ngày 21/7/2017, cháu Ngô Thị Linh Đan, sinh ngày 18/11/2019. Hiện hai con chung đang ở với anh Triển và ông bà nội, sức khoẻ phát triển tốt. Khi ly hôn chị Tươi và anh Triển thỏa thuận để anh Triển tiếp tục

nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy cả 02 cháu đang ở ổn định với anh Triển, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung, cũng như nguyện vọng, điều kiện nuôi dưỡng của hai bên. Hiện nay chị Tươi chưa có nhà ở ổn định và đang phải thuê nhà. Do vậy, giao cả 02 con chung cho anh Ngô Văn Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chị Tươi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Triển là 2.000.000 đồng/1 tháng/ 2 cháu (mỗi cháu 1.000.000 đồng) từ tháng 8 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, khoản 2 -Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Tươi và anh Triển không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn anh Ngô Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Thảo My, sinh ngày 21/7/2017, cháu Ngô Thị Linh Đan, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Ngô Văn Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Ngô Văn Tr hàng tháng là 2.000.000 đồng/1 tháng/2 con chung (mỗi cháu 1.000.000 đồng) từ tháng 8 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Tươi và anh Triển không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tươi phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002750 ngày 26/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang. Chị Lương Thị T phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự